

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Lương Quân.
- Bà Đỗ Thị Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa:

Tại điểm cầu trung tâm thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án.

Tại điểm cầu thành phần thuộc Trụ sở Trại tạm giam Chí Hòa - Phân trại tạm giam khu vực Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:

Tại điểm cầu trung tâm thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Nhật Tân - Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu thành phần thuộc Trụ sở Trại tạm giam Chí Hòa - Phân trại tạm giam khu vực Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần thuộc Trụ sở Trại tạm giam Chí Hòa - Phân trại tạm giam khu vực Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Vũ Đình D, tên gọi khác: không, sinh ngày 30/11/1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: A P, Khu phố D, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Thợ xăm; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 (đã chết) và bà Vũ Thị H (đã chết); có vợ Hoàng Thị T2, sinh năm 1999; có 02 con sinh năm 2020 và năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 18/11/2024 (có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: Ông Tăng Đỗ Minh Q, sinh năm 1997; địa chỉ: 5 V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/10/2024, Tổ công tác 363 - Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đi tuần tra đến trước nhà số I L, Phường H, quận T phát hiện Lê Vũ Đình D có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên đưa về trụ sở Công an Phường 8, quận Tân Bình kiểm tra. Xét nghiệm nhanh, D dương tính với cần sa nên Công an phường 8, quận Tân Bình lập biên bản ghi nhận sự việc, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình làm rõ, sau đó chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Vũ Đình D khai nhận: D và Tăng Đỗ Minh Q cùng là nhân viên tại tiệm X, số A B, phường P, Quận A. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên D đặt mua 02 gam cần sa trên ứng dụng Telegram, nhóm "Cần sa 420" của đối tượng (không rõ lai lịch) với giá 650.000 đồng. Ngày 10/10/2024, Q nhờ D mua giùm cần sa để Q sử dụng, D đồng ý. Do đã có sẵn cần sa nên D bán lại cho Q. Vào khoảng 15 giờ ngày 11/10/2024, D đến tiệm X đưa cần sa cho Q. Đến ngày 12/10/2024, Q sử dụng số tài khoản 01657945555 của Q mở tại ngân hàng T4 chuyển 650.000 đồng vào tài khoản số 78914768888, ngân hàng T4 cho Lê Vũ Đình D. Lời khai của D phù hợp với biên bản khám xét, biên bản tạm giữ đồ vật và xác nhận bản ảnh tin nhắn điện thoại giữa D và Q, biên bản xác định địa điểm, biên bản kiểm tra camera; biên bản xét nghiệm ma túy; biên bản nhận dạng, đối chất, sao kê tài khoản ngân hàng, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Đối với đối tượng bán ma túy cần sa cho D, D khai không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Tăng Đỗ Minh Q có hành vi mua cần sa của Lê Vũ Đình D để sử dụng, qua xác minh Q chưa có tiền án, tiền sự và chưa thu giữ được ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự.

Vật chứng vụ án: 01 USB ghi nhận hình ảnh tại tiệm X, số A B, phường P, Quận A.

Thu giữ của Lê Vũ Đình D: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, số I: 352310725073339, Imei2: 352310725134529, D sử dụng để bán ma túy cho Tăng Đỗ Minh Q; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 13T, số I: 86482506469183, Imei2: 86482506469191, là tài sản cá nhân của D.

Tại bản Cáo trạng số 103/CT-VKS-Q1 ngày 06/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Lê Vũ Đình D về tội “Mua bán trái phép chất ma

túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ Đình D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1. Bị cáo thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh là đúng, không oan sai.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Vũ Đình D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Vũ Đình D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng đề nghị: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 USB ghi nhận hình ảnh tại tiệm X, số A B, phường P, Quận A. Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, số I: 352310725073339, Imei2: 352310725134529. Trả lại cho Lê Vũ Đình D: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 13T, số I: 86482506469183, Imei2: 86482506469191. Buộc bị cáo Lê Vũ Đình D nộp lại số tiền 650.000 đồng là tiền bị cáo mua bán ma túy.

Bị cáo Lê Vũ Đình D đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, không tranh luận.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo Lê Vũ Đình D thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ Đình D không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Vũ Đình D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: biên bản bắt

người phạm tội quả tang, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, biên bản kiểm tra camera, biên bản nhận dạng, đối chất, vật chứng thu giữ, lời khai của người làm chứng Tăng Đỗ Minh Q, lịch sử chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng trích xuất từ điện thoại thu giữ... Do đó, đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 11/10/2024 tại tiệm X, số A B, phường P, Quận A, Lê Vũ Đình D đã bán 02 gam cần sa D đã đặt mua trên ứng dụng Telegram tên “Cần sa D” với giá 650.000 đồng trước đó cho Tăng Đỗ Minh Q. Sau khi mua ma túy, ngày 12/10/2024, Q sử dụng số tài khoản 01657945555 của mình mở tại ngân hàng TMCP T4 chuyển số tiền 650.000 đồng vào tài khoản số 78914768888 của D mở tại Ngân hàng TMCP T4.

[3] Từ nội dung đã nhận định từ mục [1] đến mục [2] có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Vũ Đình D đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bản Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Vũ Đình D là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, không những gây mất trật tự trị an, sức khỏe con người, mà còn là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Bản thân bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình phạm tội.

Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra tương ứng với tội danh mà bị cáo phạm phải nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Lê Vũ Đình D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Vũ Đình D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về hình phạt bổ sung: ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về hành vi của các đối tượng liên quan:

- Đối với đối tượng bán ma túy cần sa cho D, D khai không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào bắt được sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với Tăng Đỗ Minh Q có hành vi mua cần sa của Lê Vũ Đình D để sử dụng, qua xác minh Q chưa có tiền án, tiền sự và chưa thu giữ được ma túy, Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021:

- Đối với số tiền 650.000 đồng là tiền bị cáo Lê Vũ Đình D mua bán ma túy nên cần buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 USB ghi nhận hình ảnh tại tiệm X, số A B, phường P, Quận A là dữ liệu điện tử chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax thu giữ của Lê Vũ Đình D. Bị cáo đã sử dụng điện thoại để liên lạc mua ma túy và bán lại cho Tăng Đỗ Minh Q. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 13T thu giữ của bị cáo Lê Vũ Đình D không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Vũ Đình D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Vũ Đình D số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021:

- Tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax, số I: 352310725073339, Imei2: 352310725134529.

- Trả lại cho bị cáo Lê Vũ Đình D: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 13T, số I: 86482506469183, Imei2: 86482506469191.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 89/2025/PNK-THAHS ngày 21/02/2025 của Cơ quan THAHS Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Buộc bị cáo Lê Vũ Đình D phải nộp lại số tiền 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng để tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án đối với: 01 USB.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Lê Vũ Đình D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021, bị cáo Lê Vũ Đình D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 1, TP.HCM; (3)
- Bị cáo; (1)
- Trại tạm giam Chí Hòa - Phân trại tạm giam khu vực Quận 1; (1)
- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (1)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Chi cục THADS Quận 1; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Đường sự; (2)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/20) (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sỹ Hùng